TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 01 - 2026
Vv *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đợi;

2. Bà Nguyễn Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Ngãi;

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị S, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2025 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Duy K, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy K và chị Phạm Thị S kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn số 61, ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại Ủy ban nhân

dân xã H, huyện N (N là xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2025 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh K yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phạm Kim N, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2022. Hiện con đang ở với mẹ của cháu (chị Phạm Thị S). Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Phạm Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị S thừa nhận chị và anh Nguyễn Duy K kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn số 61, ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N (nay là xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2025 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau như anh K đã trình bày là đúng. Việc anh K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phạm Kim N, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2022. Hiện con đang ở với chị như anh K đã trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh K yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con; chị S không đồng ý với yêu cầu này của anh K. Chị S yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Phạm Kim N, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ các Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147 BLTTDS; Điều 8, 9, 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ năm 2014; điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/4/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy K.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh K và chị S.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Phạm Kim N (sinh ngày 19/6/2022) cho chị Phạm Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh K chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 17 tháng 11 năm 2025, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Duy K đối với bị đơn chị Phạm Thị S là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy K và chị Phạm Thị S kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn số 61, ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại Ủy ban nhân dân xã H (Nay là xã Đ) là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng: Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh K và chị S không thể hòa giải, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên anh K yêu cầu ly hôn và chị S đồng ý. Việc thuận tình ly hôn giữa anh K và chị S là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh K và chị S.

[2.1] Về con chung: Vợ chồng anh K và chị S có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Kim N, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2022. Khi phát sinh mâu thuẫn từ tháng 3 năm 2025 anh K, chị S sống ly thân, thì cháu N ở với chị S từ đó cho đến nay và đang đi học mầm non ở thành phố Q. Khi ly hôn, anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con; chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu N hiện đang sinh sống cùng chị S, được chị S chăm sóc, đưa đón đi học, chị S có công việc và có thu nhập ổn định tại thành phố Q. Anh K cũng thừa nhận, từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu N ở với chị S. Anh K làm nghề lái xe thường xuyên vắng nhà; như vậy, chị S có điều kiện trực tiếp nuôi con tốt hơn anh K.

Để đảm bảo lợi ích về mọi mặt của con, nên không chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con của anh K mà chấp nhận yêu cầu của chị S; giao cháu Nguyễn Phạm Kim N cho chị S tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu. Do đó, anh K chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng và nghĩa vụ trả nợ: Anh K và chị S1 đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Duy K và chị Phạm Thị S thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa sơ thẩm nên mỗi người phải chịu 75.000 đồng quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/4/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Anh K tự nguyện nộp thay cho chị S nên ghi nhận sự tự nguyện này của anh K. Anh K phải chịu án phí sơ thẩm 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); hoàn trả lại cho anh Nguyễn Duy K 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002366, ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; Điều 55; các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/4/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Duy K với chị Phạm Thị S.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Phạm Kim N, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2022 cho chị Phạm Thị S tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Duy K chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; việc cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Duy K phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) sung vào ngân quỹ nhà nước nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002366 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi; hoàn trả lại cho anh Nguyễn Duy K 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002366 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 5 – Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS khu vực 5 – Quảng Ngãi;
- UBND xã Đình Cương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Chí Ngãi